TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2021
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Thắng;
2. Ông Phạm Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thuý Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 371/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11/11/2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 27/01/2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 11/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 24/02/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Thôn Làng Lan, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
2. Bị đơn: Anh Lục Quang T, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn Làng Lan, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2011 tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện Y và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống tại thôn Làng Lan, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan

điểm, không thống nhất được việc làm ăn cũng như cuộc sống gia đình. Ngoài ra anh T là người nghiện ma tuý, thường xuyên vắng mặt ở nhà, không có trách nhiệm với vợ con, không đưa tiền cho chị để nuôi các con ăn học. Do không còn tình cảm nên vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lục Quang T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Lục Trí T, sinh ngày 28/11/2011 và cháu Lục Quang T, sinh ngày 05/12/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh T không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bà Đặng Thị N (là mẹ đẻ của anh T), bà N đã tống đạt trực tiếp cho anh T. Tuy nhiên anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lục Quang T. Về con chung: Giao con chung là cháu Lục Trí T, sinh ngày 28/11/2011 và cháu Lục Quang T, sinh ngày 05/12/2016 cho Chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định anh Lục Quang T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã K, huyện Y. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Lục Quang T: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh T xác định: Chị H và anh T kết hôn từ năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung tại thôn Làng Lan, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh T là đối tượng nghi nghiện ma tuý đang bị Công an xã K theo dõi. Bản thân Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh T cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Chị H và anh T sống ly thân gần 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Tình trạng mâu thuẫn giữa Chị H và anh T cũng được chính người thân trong gia đình anh T là bà Đặng Thị N (mẹ đẻ anh T) thừa nhận. Bà N xác định anh T và Chị H có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đi làm nhưng không gửi tiền cho Chị H nuôi con. Việc Chị H đề nghị ly hôn anh T bà không mong muốn, tuy nhiên tình cảm vợ chồng là do anh T và Chị H quyết định.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Lục Trí T, sinh ngày 28/11/2011 và cháu Lục Quang T, sinh ngày 05/12/2016, các cháu hiện đang ở cùng chị Hiếu. Anh T giấu địa chỉ, không rõ nghề nghiệp, mức thu nhập và không có văn bản trình bày nguyện vọng nuôi con. Chị H và mẹ đẻ anh T là bà Đặng Thị N đều xác định

không biết anh T đi làm gì, ở đâu nhưng không gửi tiền để cùng nuôi dưỡng con chung, không có trách nhiệm với gia đình. Bản thân Chị H có nguyện vọng được nuôi con. Cháu Thành đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương có ý kiến, trong hoàn cảnh của Chị H thì Toà án nên giáo cả hai cháu cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của Chị H là có căn cứ cần được chấp nhận. Do Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị H xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Lục Quang T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lục Quang T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lục Trí T, sinh ngày 28/11/2011 và cháu Lục Quang T, sinh ngày 05/12/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lục Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001874 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lục Quang T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã K (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hà - Đặng Thị Huệ **Nguyễn Xuân Thủy**